

Bắc Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Đợt thi ngày 19 tháng 5 năm 2020)

I. LỊCH THI

THỨ BA, NGÀY 19/5/2020					
Phòng thi	Ca thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH01	1	9:00	9:30	10:30	Phòng Lab 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH02	2	13:15	13:45	14:45	Phòng Lab 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	THỜI GIAN	
			Ca 1	Ca 2
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐ	8:45	13:15
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	Thư ký HĐ	8:50	
3	- Đánh số báo danh. - Gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu số ảnh, bố trí chỗ ngồi cho thí sinh đúng vị trí quy định.	Giám thị 1	9:00	
	- Kiểm tra vật dụng mang vào phòng thi của thí sinh.	Kỹ thuật viên		
	- Kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Phổ biến quy chế thi.	Giám thị 2,3		
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM				
4	- Phát dữ liệu đề thi trắc nghiệm trên phần mềm về từng máy cho thí sinh.	Kỹ thuật viên	9:25	13:40
	- Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập làm bài thi.			
5	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi trắc nghiệm.	Giám thị	9:30	13:45
6	Kết thúc thời gian làm bài thi trắc nghiệm: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	10:00	14:15
	- In Kết quả phần thi trắc nghiệm	Kỹ thuật viên		
	- Yêu cầu thí sinh ký tên xác nhận kết quả phần thi trắc nghiệm.	Giám thị 2,3		



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 19/5/2020

PHÒNG THI: TH01

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02, TT Ngoại ngữ-Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **09h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng thực hành máy tính 01, TT Ngoại ngữ-Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **10h30'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT01	Hoàng Thị Bạch	27/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
2	CNTT02	Đặng Văn Bình	19/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
3	CNTT03	Dương Văn Chí	14/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
4	CNTT04	Dương Hữu Dũng	29/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	
5	CNTT05	Dương Hữu Đăng	05/8/1972	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
6	CNTT06	Mông Trường Giang	28/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
7	CNTT07	Dương Hồng Hạnh	24/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
8	CNTT08	Dương Thị Hiên	18/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
9	CNTT09	Dương Văn Hợp	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
10	CNTT10	Hoàng Đình Huyện	13/08/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	
11	CNTT11	Hoàng Đình Hưng	17/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	
12	CNTT12	Nông Thị Hương	18/08/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
13	CNTT13	Hoàng Văn Mạnh	02/01/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
14	CNTT14	Phạm Ngọc Minh	20/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	
15	CNTT15	Bàn Văn Nảy	09/04/1983	Lạng Sơn	Nam	Dao	
16	CNTT16	Nguyễn Thị Nga	09/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
17	CNTT17	Nguyễn Thị Phương	02/02/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
18	CNTT18	Lý Thị Phụng	30/08/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
19	CNTT19	Hoàng Thị Tấm	14/11/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
20	CNTT20	Dương Văn Thành	17/11/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
21	CNTT21	Vũ Thị Thảo	04/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
22	CNTT22	Lệnh Văn Thịnh	20/02/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	
23	CNTT23	Lộc Xuân Toại	04/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	
24	CNTT24	Hoàng Văn Tú	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	
25	CNTT25	Dương Công Vinh	11/3/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	
26	CNTT26	Hoàng Văn Vũ	23/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26/.



**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 19/5/2020

PHÒNG THI: TH02

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02, TT Ngoại ngữ-Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h15'**

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02, TT Ngoại ngữ-Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **14h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT27	Dương Công Ba	04/01/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT28	Dương Thị Hải Châu	01/04/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
3	CNTT29	Lộc Văn Chí	04/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	
4	CNTT30	Dương Thị Dung	05/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
5	CNTT31	Hoàng Văn Duy	27/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	
6	CNTT32	Hà Thị Duyên	29/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
7	CNTT33	Phạm Hồng Giang	23/01/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	
8	CNTT34	Nông Thị Thu Hà	12/02/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
9	CNTT35	Hoàng Thị Hảo	18/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
10	CNTT36	Hoàng Thị Hoa	15/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
11	CNTT37	Lê Thị Thu Hoài	23/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
12	CNTT38	Hoàng Văn Hồng	29/03/1967	Lạng Sơn	Nam	Tày	
13	CNTT39	Đường Thị Huyền	07/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
14	CNTT40	Dương Thị Linh	21/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
15	CNTT41	Triệu Quỳnh Luân	25/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
16	CNTT42	Nguyễn Thị Phương	20/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
17	CNTT43	Hoàng Thị Sim	06/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
18	CNTT44	Bùi Thị Thu	07/11/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
19	CNTT45	Hoàng Ngọc Thúy	29/02/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
20	CNTT46	Hoàng Minh Thùy	30/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
21	CNTT47	Lường Thị Trang	18/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
22	CNTT48	Ma Thị Yêu	20/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 22./

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**



ThS. Đỗ Thị Huyền